TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **39**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2017
V/v: "Xin ly hôn,
tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Lệ

2. Bà Chung Kim Sang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Ngày 20 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 107/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017, về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh T, sinh năm 1981 *(có mặt)*.

Địa chỉ: Số 69 khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn*: Chị H, sinh năm 1983 *(vắng mặt)*.

Địa chỉ: Số 9/4 đường T, khu phố 4, phường B, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21/11/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh T trình bày: Tôi và chị H tự nguyện quen nhau, có tổ chức lễ cưới năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường An Bình, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/02/2009.

Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại địa chỉ 69 khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do hai bên tính

tình không hòa hợp, mâu thuẩn trong sinh hoạt hằng ngày, bất đồng quan điểm sống; do chị H xảy ra mâu thuẩn với mẹ chồng, từ việc chị H mâu thuẩn với gia đình chồng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa; mặc dù anh T và chị H đã tự hòa giải để đoàn tụ và được hai bên gia đình hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẩn vợ chồng càng trở nên sâu sắc và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2016 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh T làm đơn xin ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 02 người con chung tên V, sinh ngày 26/3/2008; V1, sinh ngày 23/9/2012. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kiến V và cháu Nhã V1, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay anh T yêu cầu giao con chung tên V, sinh ngày 26/3/2008 cho chị H nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi; anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V1, sinh ngày 23/9/2012, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T xác định không có.

* Bị đơn chị H đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng chị H không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:** Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

*** Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án**: Nguyên đơn anh T khởi kiện xin ly hôn với chị H; yêu cầu giao con chung là cháu V, sinh ngày 26/3/2008 cho chị H nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V1, sinh ngày 23/9/2012, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*** Về quan hệ hôn nhân**: Anh T và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường An Bình, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/02/2009, nên theo quy định tại Điều 11 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân xin ly hôn anh T xác nhận là do tính tình không hòa hợp, mâu thuẩn trong sinh hoạt hằng ngày, bất đồng quan điểm sống; do chị H xảy ra mâu thuẩn với mẹ chồng, từ việc chị H có mâu thuẩn với gia đình bên chồng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa; mặc dù anh T và chị H đã tự hòa giải để đoàn tụ và được hai bên gia đình hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẩn vợ chồng càng trở nên sâu sắc và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2016. Nay anh T xét thấy mâu thuẩn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với chị H. Phía chị H không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng anh T và chị H không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 02 người con chung tên V, sinh ngày 26/3/2008, hiện đang sống với chị H; V1, sinh ngày 23/9/2012, hiện đang sống với anh T.

Anh T yêu cầu giao con chung tên V, sinh ngày 26/3/2008 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V1, sinh ngày 23/9/2012, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Kiến V đang sống chung với chị H và cháu V1 đang sống chung với anh T; tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2017 của Tòa án cháu V có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ là chị H khi cha mẹ ly hôn nhau. Nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu V cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh T

mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi; giao cháu V1 cho anh T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng; anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T xác định không có.

Do chị H không có ý kiến tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên chị H có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

*** Về án phí**: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc anh T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, anh T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003477 ngày 03/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng các Điều 89, 91, 92, 94, 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T được ly hôn với chị H.

2/ Về con chung: Giao con chung tên V, sinh ngày 26/3/2008 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh T mỗi tháng 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*, ngày cấp dưỡng đầu tiền là vào ngày 21/7/2017 và ngày 21 (hai mươi mốt) hàng tháng tiếp theo cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu Thi hành án nếu anh T không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung thì anh Toại còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định trên số tiền cấp dưỡng tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Giao con chung tên V1, sinh ngày 23/9/2012 cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Anh T, chị H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Anh T xác định không có.

5/ Về án phí: Buộc Anh T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, anh T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003477 ngày 03/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; nên anh T không phải nộp thêm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** <u>Nơi nhận</u>:**

- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THU IN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Rạch Giá, ngày 20 tháng 6 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 6 năm 2017.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Lệ

2. Bà Chung Kim Sang

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 107/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017, về "Xin ly hôn,tranh chấp nuôi con" giữa:

* *Nguyên đơn*: Anh Cao Thành Toại, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 69 khu phố Minh An, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn*: Chị Triệu Thị Xuân Hương, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 9/4 đường Nhật Tảo, khu phố 4, phường An Bình, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử đồng thống nhất 3/3 quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng các Điều 89, 91, 92, 94, 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Cao Thành Toại được ly hôn với chị Triệu Thị Xuân Hương.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Cao Kiến Văn, sinh ngày 26/3/2008 cho chị Hương tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Toại mỗi tháng 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*, ngày cấp dưỡng đầu tiền là vào ngày 21/7/2017 và ngày 21 (hai mươi mốt) hàng tháng tiếp theo cho đến khi cháu Kiến Văn đủ 18 tuổi.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày chị Hương có đơn yêu cầu Thi hành án nếu anh Toại không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung thì anh Toại còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định trên số tiền cấp dưỡng tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Giao con chung tên Cao Triệu Nhã Văn, sinh ngày 23/9/2012 cho anh Toại tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Toại không yêu cầu chị Hương cấp dưỡng nuôi con.

Anh Cao Thành Toại, chị Triệu Thị Xuân Hương được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Anh Cao Thành Toại xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Anh Cao Thành Toại xác định không có.

5/ Về án phí: Buộc Anh Cao Thành Toại phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, anh Toại được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003477 ngày 03/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; nên anh Toại không phải nộp thêm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.